

Keith W. Taylor

Cornell University

GHI CHÚ VỀ

VIỆT ĐIỆN U LINH TẬP

Ngô Bắc dịch

Lời người dịch Ngô Bắc:

1. Thông tin các phụ chú của người dịch được rút ra từ bản dịch *Việt Điện U Linh Tập* của Giáo Sư Lê Hữu Mục, xuất bản tại Saigon năm 1960, trừ khi được ghi chú một cách khác. Độc giả có thể tìm đọc bản dịch này tại trang mạng:
<http://www.quangduc.com/lichsu/lichsuvietnam/VietDienULinhTap.pdf>
2. Văn bản mà tác giả Keith W. Taylor sử dụng để viết bài nghiên cứu này ghi lại 27 truyện như được liệt kê trong phần Nội Dung của bài viết.
3. Bản dịch sang tiếng Việt đầy đủ nhất của Giáo Sư Lê Hữu Mục ngoài 26 truyện trong phần chủ yếu được xem là do Lý Tế Xuyên biên soạn, còn có thêm các phần **Tục Bổ** (tức *Tục Việt Điện U Linh Tập toàn biên*, Tư Nghiệp trường Quốc Tử Giám, Nhuệ Niên Nguyễn Văn Hiền [hay Nguyễn Văn Chất] tăng bổ, gồm 3 chuyện: Bài Ký Sự Tích Sốc Thiên Vương, Thanh Sơn Đại Vương, Kiến Hải Từ Môn; phần **Tùng Bổ** của đạo nhân quán Tam Thanh gồm 2 chuyện: Anh Liệt Chính Khí Đoàn Tướng Quân, Linh Thần Miếu Thanh Cầm; phần **Phụ Lục** của đạo nhân quán Tam Thanh gồm 3 chuyện: Trần Triều Hưng Đạo Đại Vương, Chép Rõ Sự Tích Từ Đạo Hạnh Đại Thánh và Linh Chương Linh Ứng Đại Vương Tự Nhiên Phương Dung Công Chúa (chuyện Triệu Xương và Phu Nhân) và **Bài Bạt Tùng Bổ Tập Việt Điện U Linh Toàn Biên** cũng của đạo nhân quán Tam Thanh
4. Người dịch Ngô Bắc có bổ sung các tước hiệu được ban phong cho các thần linh tính đến năm Minh Mạng thứ 2 (năm 1821). Các mỹ hiệu này nhằm thể hiện thành tích, công đức,

tính khí, bản chất đặc trưng của của mỗi vị thần. Các tước hiệu này gồm các từ Hán Việt hàm súc nhiều ý nghĩa, khó dịch ngắn gọn và trợn nghĩa sang Anh Ngữ. Có lẽ đây là lý do khiến tác giả Keith Taylor đã bỏ qua các tước hiệu này và chỉ ghi danh tính của các thần linh./-

Dẫn Nhập

Những ghi chú này là phiên bản đã được sửa đổi đôi chút của một bài tham luận được trình bày tại Hội nghị của Hiệp Hội Nghiên Cứu Châu Á tại Washington, D.C., vào tháng 3 năm 1980, với tiêu đề: "Thế giới tâm linh: Một báo cáo về *Việt Điện U Linh Tập*" (The Spirit World: A report on the *Việt Điện U Linh Tập*.) *Việt Điện U Linh Tập* nằm trong số nguồn tài liệu lịch sử Việt Nam sớm nhất còn tồn tại. Mặc dù đôi khi được coi chỉ là một tập hợp văn hóa dân gian có sự hữu dụng nhỏ bé cho việc nghiên cứu lịch sử, nhưng trên thực tế, tác phẩm này được neo chặt trong truyền thống sử học Việt Nam. Tôi hy vọng sẽ cảnh báo độc giả không chỉ về nội dung của *Việt Điện U Linh Tập* mà còn về giá trị của những nội dung này đối với việc hiểu biết về lịch sử của Việt Nam. Sau đây là những ghi chú ngắn gọn về người biên soạn, các văn bản, các nguồn tài liệu, nội dung và thời gian và địa điểm được phản ánh trong nội dung.

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Trong năm 1329, nhân dịp Trần Minh Tông chính thức thoái vị, Lý Tế Xuyên đã viết lời tựa cho một tuyển tập truyện mang nhan đề "*Việt Điện U Linh Tập*" (Quyền Năng Tâm Linh Của Cõi Việt: "Spiritual Powers of the Viet Realm"). Trong lời tựa này, ông phân biệt giữa "thần thánh" xứng đáng được thờ phụng bằng đền thờ và tế lễ" với các "đọa thần, ác ma và quỷ dữ". Ông tiếp tục nói rằng "các thần thánh" "không ngang nhau về công đức", và "nếu việc làm của họ không được ghi chép một cách xác thực, khi đó khó có thể phân biệt được giữa những người có công đức nhỏ với những người có công đức lớn". Với mong muốn ghi chép một cách xác thực những việc làm huyền bí của các thần linh", Lý Tế Xuyên đã biên soạn *Việt Điện U Linh Tập*.¹

Lý Tế Xuyên được xác định là Thủ Đại Tạng, Thư Hỏa Chính Chương, Trung Phẩm Phụng Ngự, An Tiêm Lộ Chuyển Vận Sứ, có thể dịch là "Người giữ kinh Tam Tạng, Chánh Thư Ký, Hộ Vệ Bậc Trung, Viên Chức Vận Chuyển của An-Tiêm Lộ: Keeper of the Tripitaka, Chief Secretary, Middle Rank Attendant, Transport Officer of An-Tiêm Circuit".² An-Tiêm lộ là tên gọi của triều đại nhà Trần dành cho một khu vực thẩm quyền tài phán vùng bờ biển, gần cửa sông Hồng.³ Các quan vận tải (Chuyển Vận Sứ) chịu trách nhiệm chuyển tiền thuế từ các khu vực pháp lý địa phương đến kinh đô. Các hộ vệ cấp trung (trung phẩm phụng ngự (Middle-Rank Attendants), mặc dù không phải là người ra quyết định, nhưng thường được giao phó những nhiệm vụ quan trọng. Ví dụ, vào năm 1285, sau cuộc xâm lược của quân Nguyên Mông vào năm đó, một Hộ Vệ Bậc

Trung được giao nhiệm vụ hồi hương một số người Chăm cấp cao đã bị bắt giữ cùng với các lực lượng Nguyên Mông.⁴ Cấp bậc Chánh Thư Ký (Thư Hòa Chính Chương) dường như là đặc thù của triều đình Trần; cấp bậc này dường như dành riêng cho các quan chức đáng tin cậy, những người được chấp thuận có đặc quyền ra quyết định. Năm 1280, một hoạn quan có cấp bậc này được giao nhiệm vụ quyết định một vấn đề pháp lý khó khăn liên quan đến một vị thượng thư cao cấp sau khi các viên chức tư pháp bị bó tay bởi ảnh hưởng của vị thượng thư đó.⁵ Năm 1316, một Chánh Thư Ký được đề cập đến là một phụ tá thân cận của hoàng hậu lớn tuổi; ông đã từng là sứ giả đến Trung Quốc, có tiếng là trung thực, và được hoàng đế tin tưởng. Năm 1316, ông ta được giao làm phụ tá cho một hoàng tử được cử đi chuẩn bị sổ thuế ở tỉnh Diên; khi ông trở về kinh đô với sổ thuế đã thu ở đó, điều mà ông không được phép làm, hoàng đế đã chấp nhận các khoản thuế với hảo tâm để tránh cho ông khỏi bị vướng vào rắc rối pháp lý.⁶ Danh sách các cấp bậc và chức danh được gán cho Lý Tế Xuyên có lẽ phản ánh quá trình sự nghiệp của ông trong giới quan lại.

Với tư cách là Người Giữ Kinh Tam Tạng (Thủ Đại Tạng), Lý Tế Xuyên thực chất là một quản thủ thư viện, đứng đầu phụ trách quản lý kinh Phật. Vị trí này chắc chắn đã cho ông cơ hội đọc những cuốn sách cũ và thỏa mãn sự tò mò của mình về “những chuyện huyền bí của các thần linh”. Không có dấu hiệu nào cho thấy ông biên soạn *Việt Điện U Linh Tập* để đáp lại mệnh lệnh của hoàng đế, nhưng thực tế là ông đã viết lời tựa của mình vào cùng năm với sự thoái vị chính thức của Trần Minh Tông cho thấy tầm quan trọng của tác phẩm của ông lớn hơn sự quan tâm cá nhân của ông.

Trần Minh Tông lên ngôi năm 1314 sau khi cha mình, Anh Tông chính thức thoái vị. Anh Tông tiếp tục cai trị cho đến khi qua đời vào năm 1320. Tương tự như vậy, sau khi chính thức thoái vị vào năm 1329, Minh Tông tiếp tục cai trị cho đến khi qua đời vào năm 1357. Cách thức thoái vị chính thức đảm bảo sự kế vị có trật tự và giải thoát hoàng đế thoái vị khỏi các nhiệm vụ nghi lễ liên quan đến ngai vàng.

Điều đáng chú ý là sự thoái vị chính thức của cả Trần Anh Tông và Trần Minh Tông đều có mối liên hệ với *Việt Điện U Linh Tập*. Một trong những hành động cuối cùng của vua Anh Tông trước khi thoái vị là ban phong một loạt danh dự mới cho một nhóm thần linh được cho là đại diện cho các thế lực siêu nhiên của vương quốc. Đây là lần thứ ba những thần linh này được tôn vinh như vậy. Năm 1285, khi Anh Tông được mười tuổi và cuộc xâm lược của quân Nguyên Mông năm đó bị đẩy lùi, các danh hiệu đã được trao cho hai mươi tám thần linh. Năm 1288, khi cuộc xâm lược của quân Nguyên Mông năm đó bị đánh bại, những thần linh này đã được trao thêm danh dự. Năm 1313, người Việt Nam đang ăn mừng một cuộc chiến thành công với xứ Chàm (Champa), và vua Anh Tông đã ban tặng những danh hiệu mới cho những thần linh này.

Theo các danh hiệu được lưu giữ trong *Việt Điện U Linh Tập*, các thần linh nguyên thủy được tôn vinh vào năm đầu tiên của niên hiệu Trùng Hưng. Thời kỳ trị vì của niên hiệu Trùng Hưng được tuyên cáo vào tháng thứ chín của năm 1285 để loan báo chiến thắng trước những kẻ

xâm lược. Trong cùng tháng đó, danh hiệu sau khi chết được trao cho các hoàng đế và hoàng hậu đã khuất.⁷ Chúng ta có thể suy đoán rằng các thần linh đã được tôn vinh cùng lúc.

Tiêu chuẩn để quyết định những thần linh nào xứng đáng được tôn vinh như vậy bắt nguồn từ tâm lý của giai cấp thống trị Việt Nam, những người đã sống qua các cuộc xâm lược của quân Nguyên Mông. Chỉ những thần linh được cho là vững mạnh nhất và gắn bó chặt chẽ nhất với vận mệnh của kinh đô Thăng Long, tức Hà Nội ngày nay, mới được coi là đủ điều kiện để được tôn vinh. Trong lời tựa của mình, Lý Tế Xuyên đã viết:

Những vị thần sống trong vương quốc Việt Nam của chúng ta từ thời xa xưa, xứng đáng được tôn thờ bằng đền thờ và tế lễ, quả thực rất nhiều! Nhưng, có bao nhiêu người có thể thực hiện những thành tựu to lớn là một điều bí ẩn đối với người sống? .

Lý Tế Xuyên đã nghĩ đến những “thành tựu to lớn mà người sống không thể biết” nào ở đây? Xét theo nội dung của *Việt Điện U Linh Tập* và từ các danh hiệu được phong tặng trong thời kỳ xâm lược của quân Nguyên Mông, điều khá rõ ràng rằng ông ta đang nói về thất bại của người Trung Quốc hay người Trung Hoa - Mông Cổ trong những nỗ lực chinh phục Việt Nam.

Có thể hữu ích khi chúng ta thử tưởng tượng cách mà giai cấp thống trị Việt Nam vào đầu thế kỷ XIV nhận thức bản thân họ trong mối quan hệ với Đế chế Nguyên Mông. Chắc chắn, họ biết rằng đế chế này là cường quốc thế giới lớn nhất kể từ thời nhà Đường. Lực lượng Nguyên Mông đã chinh phục Vân Nam (Yunnan), điều mà nhà Đường không thể làm được, do đó mở rộng cánh tay của các trung tâm quyền lực ở miền bắc Trung Quốc đến thượng nguồn sông Hồng. Quy mô và sự dai dẳng của áp lực Nguyên Mông, bắt đầu bằng một nỗ lực của quân Mông Cổ nhằm tiến vào Việt Nam chống lại nhà Nam Tống từ Vân Nam (Yunnan) trong năm 1258 và tiếp tục trong các cuộc chiến tranh trong thập niên 1280, là điều chưa từng có trong kinh nghiệm của Việt Nam trong bốn thế kỷ kể từ khi nhà Đường suy tàn và sụp đổ. Trên thực tế, có một số lượng lớn người Việt Nam thuộc tầng lớp thống trị đã tuyệt vọng trong việc chống lại quyền lực của quân Nguyên Mông và đã đầu hàng kẻ thù. Theo quan điểm khách quan, việc chống lại đội quân khổng lồ do Hốt Tất Liệt (Kubilai [cách viết khác là Kublai, chú của người dịch Ngô Bắc]) phái đến vào những năm 1280 có vẻ là một nhiệm vụ vô vọng.

Nhưng trên thực tế, người Việt đã kháng cự và đã thành công. Điều giúp họ làm được như vậy là một tâm thái không dựa vào một đánh giá khách quan đơn thuần về tình hình. Họ tin vào các thần linh của đất nước và sức mạnh của những thần linh này vượt trội hơn so với kiếm và giáo của những kẻ xâm lược. Họ tin rằng đất nước của họ được các thần linh bảo vệ, và chính lòng tin của họ vào những thần linh này đã thổi bùng lòng dũng cảm và củng cố quyết tâm của họ.

Ba lần trong suốt cuộc đời của Trần Anh Tông, triều đình nhà Trần đã thừa nhận món nợ của mình với các thần linh. Lý Tế Xuyên, người có lẽ đã phục vụ dưới thời Trần Anh Tông, đã

tiếp tục "ghi chép một cách xác thực" "những việc làm" của những thần linh này và có thể đã trao tặng tác phẩm đã hoàn thành cho con trai của Anh Tông, tức vua Minh Tông vào dịp Minh Đường chính thức thoái vị.

VĂN BẢN

Có tám văn bản của *Việt Điện U Linh Tập* được biết là tồn tại ở Hà Nội ngày nay. Chúng được lưu giữ bởi Viện Thông tin Khoa học Xã hội (Social Science Information Institute). Hình 1 minh họa một khái niệm về cách các văn bản này liên quan đến nhau. Mã số trong ngoặc đơn chỉ số tờ (folio) trong mỗi văn bản.

Văn bản A335 xuất phát từ một bản tu sửa của một học giả ẩn danh vào năm 1774 sử dụng phong cách của Chư Cát thị (a); trên thực tế, đây là một tác phẩm mới dựa trên *Việt Điện U Linh Tập* có tựa đề là *Tân đính hiệu bình Việt Điện U Linh Tập*, "Phiên bản biên soạn mới của *Việt Điện U Linh Tập*". Một số tài liệu đã bị loại bỏ, tài liệu mới đã được giới thiệu, và tất cả đều được viết lại theo một phong cách công phu. Các phần bổ sung đã được thêm vào vào thế kỷ XIX.⁸ Theo tác giả Đinh Gia Khánh, người đã nghiên cứu các văn bản ở Hà Nội, văn bản này đã hấp thụ nhiều kiến thức phổ biến từ các thế kỷ XVIII và XIX.⁹

Văn bản VHv.1503 đã bị hư hỏng hoàn toàn. Nó đã mất tất cả nội dung nguyên thủy của *Việt Điện U Linh Tập* ngoại trừ lời tựa của Lý Tế Xuyên và danh sách các thần linh cùng tước hiệu sau khi chết của họ. Đây chủ yếu là một tập hợp các truyền thuyết dường như được thu thập vào đầu thế kỷ XX.¹⁰ (Theo tôi, một bản thảo do Giáo sư Yamamoto Tatsuro lưu giữ ở Tokyo tương đương với văn bản này.) Theo tác giả Đinh Gia Khánh, văn bản VHv.1285b bị nhầm lẫn và sai lệch.¹¹

Năm văn bản còn lại có các đặc điểm tiêu chuẩn. Tất cả chúng đều có phần bổ sung do Nguyễn Văn Chát (b) thêm vào hồi thế kỷ XV gồm ba câu chuyện (A.751, A.2879, và VHv. 1285a) hoặc bốn câu chuyện (A.47 và A.1919). Cả ba văn bản chỉ chứa ba câu chuyện từ phần bổ sung của Nguyễn Văn Chát đều có lời bạt do Lê Hữu Hỷ (c) viết vào năm 1712; trong lời bạt này, Lê Hữu Hỷ nói rằng ông có một văn bản có niên đại từ trước năm 1592 và đã biên tập nó. Hai trong số ba văn bản này (A.2879 và VHv.1285a) đã được Cao Huy Diệu (d) biên tập, sau thời của Lê Hữu Hỷ, vào nửa đầu thế kỷ thứ mười tám. Tất cả các văn bản có lời bạt của Lê Hữu Hỷ cũng trích dẫn tên Kim Miễn Muội (e) là người biên tập vào năm 1771 và có phần bổ sung do Ngô Giáp Đậu (g) thêm vào vào năm 1919. Bản A.2879 có ba truyện trong phần bổ sung của Ngô Giáp Đậu, Bản A.751 có năm truyện và bản VHv.1285a có sáu truyện. Một trong hai văn bản có bốn, thay vì ba, truyện từ phần bổ sung của Nguyễn Văn Chát hồi thế kỷ XV. Bản A.1919, có lời tựa cho một trong những truyện bổ sung này do Lê Tự Chi (h) viết vào năm 1513; văn bản này cũng trích dẫn Kim Miễn Muội là người biên tập. Văn bản còn lại, A.47, không thấy có sự tu sửa nào có thể phát hiện được sau thế kỷ XV.

Các học giả Việt Nam ủng hộ văn bản A.751 vì nó “hoàn chỉnh và ít bị hư hỏng nhất,”¹² Một bản sao của văn bản này với bản dịch sang tiếng Việt đã được tác giả Lê Hữu Mục xuất bản năm 1960 (tại Sài Gòn). Trong nghiên cứu của mình về bốn văn bản A.47, A.751, A.1919 và A.2879, tác giả Maurice Durand nhận thấy rằng các văn bản A.751 và A.1919 “không chỉ phát triển hơn mà còn chứa đựng nhiều biến thể trau chuốt hơn”, trong khi các ấn bản A.47 và A. 2879 “ngắn gọn hơn, nhưng cũng vụng về hơn, với nhiều đoạn tối nghĩa mà chỉ có thể hiểu được bằng cách “tham khảo các biến thể và giải thích chi tiết của các văn bản A.751 và A.1919”.¹³ Tác giả Durand ủng hộ văn bản A.47, văn bản ngắn gọn nhất (“cô đọng và ngắn gọn”, nói theo tác giả Gaspardone¹⁴) và đã trích dẫn lời bạt năm 1712 của Lê Hữu Hy để hậu thuẫn cho sự lựa chọn của mình; Lê Hữu Hy mô tả văn bản ông tìm thấy có niên đại từ trước năm 1592 khác với các văn bản sao chép gần hơn ở chỗ nó thiếu các phần bổ sung và khó đọc. Các biến thể phát triển được Durand đề cập có lẽ là những gì khiến văn bản A.751 trở nên “hoàn chỉnh” theo quan điểm của các học giả Việt Nam.

Tác giả Durand đã công bố một số đoạn trích dẫn từ văn bản A.47.¹⁵ Một văn bản do Văn Khố Toyo Bunko ở Tokyo lưu giữ, có danh số là X. 39, hầu như giống hệt với những đoạn trích dẫn này. Văn bản của Văn Khố Toyo Bunko dài 22 tờ (folio) và chứa bốn câu chuyện bổ sung của Nguyễn Văn Ch�t, tôi tin rằng văn bản này tương đương với văn bản A.47 ở Hà Nội. Tôi đã so sánh văn bản X.39 với văn bản A.751 do tác giả Lê Hữu Mục xuất bản và tin rằng đó là một văn bản cũ hơn, chính thống hơn; nó vẫn giữ được thuật ngữ đặc biệt của thế kỷ XV. Mặt khác, không có sự khai triển nào trong văn bản A.751 ảnh hưởng đến các vấn đề về thực chất mà chỉ đơn giản là đại diện cho sự tích lũy kiến thức và sự tinh tế của văn phong.

Văn bản của Văn Khố Toyo Bunko X.39 và văn bản A.47 ở Hà Nội, tôi tin là tương đương, đại diện, trong ý kiến của tôi, cho sự tái duyệt hiện nay được biết là gần sát nhất với sự biên soạn nguyên thủy của Lý Tế Xuyên.

Năm 1934, tác giả Émile Gaspardone đã trích dẫn năm bản thảo của *Việt Điện U Linh Tập* trong bộ sưu tập của École Française d'Extrême-Orient (Trường Viễn Đông Bác Cổ): A.47, A.335, A.1279, A.1919 và A.2879 (theo Gaspardone, văn bản A.1279 là “cổ” và “cung cấp nhiều cách đọc chính xác”; văn bản này dường như đã bị thất lạc).¹⁶ Năm 1954, tác giả Maurice Durand chỉ tìm thấy bốn bản thảo trong bộ sưu tập của Trường Viễn Đông Bác Cổ (École Française: A.47, A.751, A.1919 và A.2879).¹⁷ Ngày nay, bộ sưu tập của Trường Viễn Đông Bác Cổ (École Française) ở Paris chứa các bản sao phim vi mô (microfilm) của các bản thảo sau: A.751, A.1321, A. 1919 và A.2879; bản sao của các vi phim này được cung ứng tại Thư viện Đại Học Cornell University, ở Ithaca, New York, và tại Văn Khố Toyo Bunko ở Tokyo.

CÁC NGUỒN TÀI LIỆU

Việt Điện U Linh Tập dựa vào các nguồn tài liệu sớm hơn cho hầu hết tất cả nội dung của nó. Ngoại trừ một lịch sử triều đại Trung Quốc, **Tam Quốc Chí (San kuo chih)**, không có tài liệu nào trong số này hiện còn tồn tại. **Việt Điện U Linh Tập** trích dẫn "tục truyền" cho ba câu chuyện; bốn câu chuyện không có nguồn tham khảo. Văn bản X.39 trích dẫn **Nam Hải ký** cho một câu chuyện; **Việt sử bổ di** được trích dẫn một lần trong văn bản A.751.

Hai viên quan đô hộ của nhà Đường ở Việt Nam đã viết những cuốn sách có tựa đề giống hệt nhau: **Giao Châu ký (Chiao Chou chi)**. Triệu Xương (Chao Ch'ang) cai trị Việt Nam từ năm 791 đến 806; Tăng Cồn (Tseng Kun) ở Việt Nam từ năm 866 đến 880. Cả hai đều quan tâm đến văn hóa Việt Nam và dường như được lòng người Việt Nam.¹⁸ **Việt Điện U Linh Tập** trích dẫn Triệu Xương hai lần và Tăng Cồn một lần; hơn nữa, nó còn trích dẫn **Giao Châu ký** cho hai câu chuyện bổ sung có thể xuất phát từ một trong hai nhân vật này. Tất cả những câu chuyện này đều xuất phát trong thời kỳ nhà Đường cai trị Việt Nam, vào các thế kỷ thứ bảy, thứ tám, và thứ chín. Về cơ bản, chúng đề cập đến sức mạnh của các sự thờ cúng tâm linh địa phương và cách thức mà các thái thú nhà Đường thừa nhận sức mạnh này.

Các nguồn tài liệu quan trọng nhất được sử dụng bởi **Việt Điện U Linh Tập**, xét về mặt sử học Việt Nam, được biên soạn trong thế kỷ thứ mười một và mười hai bởi những người cai trị của triều đại nhà Lý. Thông tin về mười vị thần trong **Việt Điện U Linh Tập** được trích từ quyển "**Sử Ký**" (Historical Records) của Đỗ Thiện.¹⁹ Đỗ Thiện được nhắc đến trong bộ **Đại Việt Sử Ký Toàn Thư** vào năm 1127 liên quan đến việc Lý Dương Hoán lên ngôi.²⁰ Quyển **Việt Sử Lược** và bộ **Đại Việt Sử Ký Toàn Thư** xác định Lý Dương Hoán là cháu trai (grandson) của Lý Nhật Tôn (trị vì 1054-72) và là cháu trai (nephew) của người tiền nhiệm của ông, Lý Càn Đức (trị vì 1072-1127); cha của ông là Sùng-Hiền hầu.²¹ Sự kế vị từ Càn Đức đến Dương Hoán thì bất thường, vì đây là lần đầu tiên ngai vàng nhà Lý không được truyền từ cha sang con.

Càn Đức đã chỉ định Dương Hoán mới hai tuổi làm người kế ngôi của mình vào năm 1117, chỉ ba tháng sau cái chết của mẹ mình, Hoàng Thái Hậu Ý Lan chuyên quyền. Cái chết của Hoàng Thái Hậu dường như đã kết thúc một kỷ nguyên trong nội cung, vì ba người hầu cận của bà đã bị cưỡng bách chôn theo cùng bà. Sự kiện này chắc chắn đã dẫn đến sự cạnh tranh giữa các gia tộc bên mẹ về những người kế vị tiềm năng cho Càn Đức. Theo **Đại Việt Sử Ký Toàn Thư**, con trai của năm hầu tước khác nhau là các ứng viên để Càn Đức lựa chọn.²² Khoảng thời gian ba tháng giữa cái chết của Hoàng Thái Hậu và việc lựa chọn người kế ngôi dường như dành đủ thời gian để một gia tộc mới bên phía người mẹ củng cố ảnh hưởng của mình đối với nội cung. Họ của mẹ Dương Hoán là Đỗ.

Khi vua Càn Đức băng hà năm 1127, hai người được cử đi thông báo việc lên ngôi của Dương Hoán đến Sùng-Hiền hầu, cha của tân vương.²³ Một người là *nội-nhân* [tiếng Việt trong nguyên bản, chú của người dịch Ngô Bắc] Đỗ Thiện, người kia là một tùy tùng (retainer). Một *nội nhân* là người hầu trong cung điện hoặc viên chức trong cung điện, thường là thành viên của gia

tộc hoàng hậu. Vào năm 1129, *nội thường thị Đỗ Nguyễn Thiện* được bổ nhiệm làm tổng đốc tỉnh Thanh-Hóa.²⁴ Một *nội thường thị* cũng là một loại người hầu hoặc viên chức trong cung điện. Các danh tính giống nhau ngoại trừ một tên đệm được thêm vào trong tài liệu tham khảo năm 1129. Rất có thể đây là những tham chiếu về cùng một người và rằng người này là tác giả của quyển *Sử Ký* được trích dẫn bởi *Việt Điện U Linh Tập*.

Chúng ta có thể ước đoán một cách hợp lý rằng Đỗ Thiện là thành viên trong gia tộc mẹ của Dương Hoán. Gia tộc họ Đỗ có ảnh hưởng tại triều đình cho đến khi mẹ của Dương Hoán qua đời vào năm 1147.²⁵ Chúng ta có thể xác định thời điểm bắt đầu của vận mệnh của gia tộc vào năm 1117 khi Dương Hoán được chỉ định là người thừa kế của vua Càn Đức sau khi Hoàng Thái Hậu Ý Lan qua đời. Có điều gì đó về sự trỗi dậy của gia tộc họ Đỗ đã thúc đẩy việc viết một quyển sử ký? ..

Đầu tiên, họ Đỗ đã bước vào cung điện với tư cách là nhà bảo trợ của một dòng dõi bảo kê của hoàng tộc, sau khi dòng dõi chính thống đã không có người thừa kế. Thứ nhì, họ đến như những người thân thuộc của một vị vua trẻ tuổi; Dương Hoán mới mười hai tuổi vào năm 1127. Các vấn đề liên quan đến việc kế vị bất thường lệ và sự cầm quyền của người vị thành niên chắc chắn là điều quan trọng nhất trong tâm trí của họ. Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt đã được thực hiện sau cái chết của Càn Đức để đảm bảo một sự kế vị hòa bình.²⁶

Đỗ Thiện đã tham gia vào thủ tục kế vị, và, xét theo việc ông được bổ nhiệm làm tổng đốc của một tỉnh quan trọng sau đó, chúng ta có thể suy luận một cách hợp lý rằng vai trò của ông trong việc kế ngôi là một vai trò quan trọng. Chúng ta không biết khi nào Đỗ Thiện đã viết quyển *Sử Ký* của mình, nhưng gia tộc họ Đỗ đã có mười năm để suy ngẫm về tình trạng của họ, từ khi Dương Hoán được lựa chọn vào năm 1117 cho đến khi Càn Đức qua đời vào năm 1127, và có thể là Đỗ Thiện đã viết quyển *Sử Ký* của ông vào thời điểm đó, đề cập đến các chủ đề mà ông cho là quan trọng trong sự kế vị chưa từng có sắp xảy ra. Một cái nhìn vào thông tin được trích dẫn từ Đỗ Thiện trong *Việt Điện U Linh Tập* có xu hướng xác nhận ý tưởng này.

Trong số mười vị thần mà *Việt Điện U Linh Tập* trích dẫn thông tin từ Đỗ Thiện, bảy vị có nguồn gốc từ thế kỷ thứ mười hoặc mười một hoặc là những nhân vật được sùng bái nổi tiếng tại thời điểm đó. Cả bảy vị này đều liên quan đến một cuộc khủng hoảng kế ngôi hoặc nổi tiếng là những người phục vụ trung thành của vị chủ tể của họ. Hai chủ đề này về sự kế ngôi và lòng trung thành nổi bật từ những câu chuyện được cho là của Đỗ Thiện. Hơn nữa, ba vị thần không liên quan trực tiếp đến thế kỷ thứ mười và mười một cũng minh họa cho các chủ đề về sự kế ngôi và lòng trung thành.

Có nguy cơ khi gán một quan điểm nhất định cho một tác giả chỉ dựa trên các trích dẫn từ tác phẩm của người ấy, vì nếu chúng ta có thể đọc được quyển *Sử Ký* của Đỗ Thiện một cách trọn vẹn ngày nay, chúng ta có thể có một ấn tượng hoàn toàn khác. Tuy nhiên, không có lý do gì để quy kết sự nhấn mạnh vào việc kế vị và lòng trung thành cho bản tay biên tập của Lý Tế Xuyên

vào đầu thế kỷ XIV, vì ông đang đề cập đến một điện thờ các vị thần được thành lập không muộn hơn năm 1285. Có thể hình dung rằng mối quan tâm của những người cai trị nhà Trần thời ban đầu đối với sự kế vị có trật tự và lòng trung thành được phản ánh trong những gì còn sót lại của quyển *Sử Ký* của Đỗ Thiện; nhưng trên thực tế, những người cai trị thời Trần đã giải quyết hiệu quả vấn đề kế vị và sự cầm quyền của vua vị thành niên bằng cách thực hành việc thoái vị, và không có lý do gì để tin rằng họ quan tâm đến những vị thần này vì họ nổi tiếng trong các cuộc khủng hoảng kế vị hoặc là những tấm gương về lòng trung thành. Thay vào đó, những người cai trị thời Trần rõ ràng quan tâm đến những vị thần này vì họ rất mạnh mẽ và được cho là có hiệu quả trong việc chống lại kẻ thù Nguyên Mông.

Việt Điện U Linh Tập trích dẫn *Báo Cự truyện* cho năm truyện, trong đó bốn truyện nói về các vị thần được ba vị vua đầu tiên của triều đại Lý (trị vì 1009-72) bảo trợ. Ở những nơi khác ²⁷ tôi đã lập luận rằng *Báo Cự truyện* được viết vào khoảng năm 1069 và 1090, nhiều phần là do một nhà sư Phật giáo có liên hệ với triều đình nhà Lý, và rằng nội dung của nó phản ánh một khái niệm về quyền lực hoàng gia bị chế tài về mặt tôn giáo, điều mà tôi đã gọi là "tôn giáo triều đại nhà Lý: Lý dynasty religion."



THỔ ĐỊA, THE EARTH SPIRIT
Như được hình dung bởi một họa sĩ dân gian



KING TRIỆU QUANG PHỤC
as imagined by a folk artist

Vua TRIỆU QUANG PHỤC
Như được hình dung bởi một họa sĩ dân gian

NỘI DUNG

Hai mươi bảy câu chuyện của *Việt Điện U Linh Tập* được sắp xếp theo ba đề mục: Lịch Đại Đế Vương (sovereigns), Lịch Đại Phụ Thần (ministers) và Hạo Khí Anh Linh (superhuman powers). Dưới đây, các câu chuyện được xác định bằng các danh tính phổ biến của các thần linh và được chỉ định bằng một con số và một chữ cái. Số 1 được dùng cho "vua chúa", số 2 cho các "phụ thần", và số 3 cho "hạo khí anh linh". Chúng được thảo luận theo thứ tự xuất hiện trong văn bản X.39. [Người dịch Ngô Bắc có bổ sung tước hiệu được ban phong sau khi chết của các bậc thần linh này, sau danh tính của mỗi vị thần]

1a. Sĩ Nhiếp (Shih Hsieh).

tước hiệu GIA ỨNG THIÊN CẢM LINH VŨ ĐẠI VƯƠNG

Ông sống vào năm 137–226 sau Công nguyên. Ông sinh ra ở Quảng Tây (Kuang-hsi) ngày nay, là một người nhập cư thế hệ thứ sáu từ Sơn Đông (Shan-tung); gia đình ông đã chạy trốn xuống miền nam trong thời kỳ Vương Mãng (9–25 sau Công nguyên). Ông theo học ở phía bắc và phục vụ một thời gian ngắn tại kinh đô nhà Hán. Khi nhà Hán sụp đổ, ông đã cai trị Việt Nam trong khoảng bốn mươi năm, cho đến khi qua đời. Thời cai trị của ông thì hòa bình và thịnh vượng; Phật giáo Việt Nam đã bắt đầu vào thời điểm này. *Việt Điện U Linh Tập* trích dẫn tiểu sử của ông trong *Tam Quốc Chí* (*San kuo chihi*; thiên(?) 49) để biết thông tin về cuộc đời của ông. *Báo Cục truyện* được trích dẫn để kể một câu chuyện làm sao mà xác chết của Sĩ Nhiếp đã làm kinh hãi những kẻ xâm lược từ Lâm Ấp (Lin-i) đến cướp bóc lăng mộ của ông trong chiến dịch năm 399 của họ. Cuối cùng, có một câu chuyện về Sĩ Nhiếp hiện ra với viên tướng nhà Đường tên Cao Biền (Kao P'ien) trong một giấc mơ trong khi P'ien được giao nhiệm vụ ở Việt Nam (865 - 68); một bài thơ được ghi lại từ ngòi bút của Cao Biền (P'ien) để kỷ niệm sự kiện này.²⁸

1b. Phùng Hưng (mất năm 789)

tước hiệu PHÚ HỮU CHUƠNG TÍN SÙNG NGHĨA ĐẠI VƯƠNG

Ông là một nhà lãnh đạo Việt Nam xuất hiện khi thế lực nhà Đường rút lui khỏi Việt Nam trong thời gian ngắn sau cuộc nổi loạn của An Lộc Sơn. *Giao Châu Ký* (*Chiao Chou chi*) của Triệu Xương (Chao Ch'ang) được trích dẫn để cho biết thông tin về sự nghiệp của ông. *Việt Điện U Linh Tập* Việt cũng chứa thông tin về sự lan truyền của các giáo phái tâm linh sau khi chết của ông và về sự hỗ trợ của ông cho Ngô Quyền trong Trận Bạch-Đằng năm 938, một trận chiến được người Việt Nam coi là khởi đầu cho sự độc lập của họ.²⁹

1c. Triệu Quang Phục (tước hiệu MINH ĐẠO KHAI CƠ THÁNH LIỆT THẦN VŨ HOÀNG ĐẾ) và Lý Phật Tử. (tước hiệu ANH LIỆT TRỌNG UY NHÂN HIÊU KHÂM MINH THÁNH VŨ HOÀNG ĐẾ)

Họ là những nhà lãnh đạo Việt Nam vào thế kỷ thứ sáu, khi quyền lực triều đại Trung Quốc quá yếu để kiểm soát Việt Nam. Họ được cho là có liên quan đến một huyền thoại cổ xưa giải thích về sự kế thừa quyền lực. Quyền *Sử Ký* của Đỗ Thiệu được trích dẫn.³⁰

1d. Hậu Tắc (Hou Chi) (tước hiệu THIÊN TÔ ĐỊA CHỦ XÃ TẮC ĐẾ QUÂN)

Ông là lãnh đạo Bộ Nông nghiệp dưới thời vua Thuần (Shun) huyền thoại của Trung Quốc và sau đó được tôn kính là Thần Nông nghiệp Trung Quốc". *Việt Điện U Linh Tập* nói rằng một ngôi đền đã được xây dựng thờ ông tại cổng phía nam của La Thành, kinh đô của Việt Nam thời Đường, tức Hà Nội ngày nay.³¹

1e. Trưng Trắc (tước hiệu CHẾ THẮNG THUẦN TRINH BẢO THUẬN PHU NHÂN và Trưng Nhị (tước hiệu BẢO THUẬN PHU NHÂN?)

Họ là hai chị em bà Trưng nổi tiếng đã lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa chống Trung Quốc ngăn ngừi nhưng mang tính thời đại vào năm 40-42 sau Công nguyên. Họ là thành viên của giai cấp thống trị ở Việt Nam thời tiền Trung Quốc cổ đại. Họ đã bị chinh phục bởi Mã Viện, một vị tướng tài giỏi [của người Hán], kẻ đã đặt nền móng cho sự cai trị trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam. *Việt Điện U Linh Tập* trích dẫn quyển Sử Ký của Đỗ Thiện; một số thông tin này dường như đến từ *Hậu Hán thư, thiên 24 (Hon Han shu 24)*. *Việt Điện U Linh Tập* cũng chứa một câu chuyện từ thời trị vì của Lý Thiên Tô [tên thật của Lý Anh Tông, vị vua thứ sáu của triều đại nhà Lý trong lịch sử Việt Nam, chú của Ngô Bắc) (1138-75) trong đó hai chị em bà Trưng xuất hiện như "thiếu nữ mưa" mang mưa đến trong thời kỳ hạn hán.³²

1 f. My Ê, (tước hiệu HIỆP CHÍNH HỮU THIỆN TRINH LIỆT CHÂN MÃNH PHU NHÂN)

Bà là hoàng hậu của xứ Chăm, bị Lý Phật Mã bắt vào năm 1044; chồng bà, nhà vua Chăm, đã tử trận. Khi bà được đưa đến kinh đô Việt Nam bằng thuyền, bà đã nhảy xuống nước và chết đuối để tránh bị làm mất danh dự. Lý Phật Mã đã ca ngợi đức hạnh của bà và tôn vinh bà sau khi mất.

2a. Lý Hoảng (tước hiệu UY MINH DŨNG LIỆT HIỂN TRUNG TÁ THÁNH PHU HỮU ĐẠI VƯƠNG)

Con trai thứ tám của Lý Phật Mã (trị vì 1028—53), ông đã có một sự nghiệp lẫy lừng ở Nghệ An với tư cách là người bảo vệ biên giới phía Nam.³⁴

2b. Lý Ông Trọng *tước hiệu HIỆU ÚY UY MÃNH ANH LIỆT PHỤ TÍN ĐẠI VƯƠNG)

Ông là một người khổng lồ Việt Nam thế kỷ thứ ba trước Công nguyên từ khu vực Hà Nội được cho là đã đi về phía bắc để giúp Tần Thủy Hoàng Đế chống lại người Hung Nô ở biên giới phía bắc Trung Quốc trước khi trở về để chết tại quê hương của mình. Sự thờ cúng ông dường như đã được Triệu Xương (Chao Ch'ang) thiết lập vào đầu thế kỷ thứ chín. *Việt Điện U Linh Tập* trích dẫn một *Giao Châu ký* để có thông tin về sự bảo trợ của Chao Ch'ang bảo trợ và cũng về việc Cao Biền (Kao P'ien) tôn thờ vị thần này; người ta cho rằng vị thần Lý Ông Trọng đã giúp Cao Biền (Kao P'ien) chống lại nước Nam Chiếu (Nan-chao) vào các năm 865-66.

2c. Lý Thường Kiệt (tước hiệu THÁI ÚY TRUNG PHỤ DŨNG VÕ UY THẮNG CÔNG)

Ông trở nên nổi tiếng vì sự lãnh đạo của mình trong cuộc chiến tranh các năm 1075-76 chống quân nhà Tống Trung Quốc; ông cũng nổi tiếng ở biên giới phía nam chống lại xứ Chăm. *Việt Điện U Linh Tập* trích dẫn quyển *Sử Ký* của Đỗ Thiện.

2d. Thần sông Tô Lịch (tước hiệu BẢO QUỐC TRẦN LINH ĐỊNH BANG QUỐC ĐÔ THÀNH HOÀNG ĐẠI VƯƠNG)

Ông được cho là một quan án sát địa phương ở khu vực Hà Nội, trong thời nhà Tần (265 - 419), trước khi nơi này trở nên quan trọng về mặt chính trị. Những câu chuyện liên kết ông với những người cai trị đã xây dựng thành phố tại địa điểm này và tôn vinh ông là thần bảo vệ thành phố của họ: Lý Nguyên Hỷ (Li Yuan-hsi) một thái thú nhà Đường vào thập niên 820; Cao Biền, (Kao P'ien), người đã quét sạch quân xâm lược Nam-Chiếu (Nan chao) khỏi Việt Nam vào các năm 865 - 66; và Lý Công Uẩn, người sáng lập ra nhà Lý (1039—1225). *Việt Điện U Linh Tập* trích dẫn *Giao Châu ký* và *Báo Cực truyện*.³⁵

2e. Phạm Cự Lượng (tước hiệu HỒNG KHÁNH KHUÔNG QUỐC TRUNG VŨ TÁ TRỊ ĐẠI VƯƠNG)

Ông nội của ông phục vụ Ngô Quyền (trị vì 939 - 44), cha của ông phục vụ Ngô Xương Văn (trị vì 950 - 63), anh trai của ông phục vụ Đinh Bộ Lĩnh (trị vì 965 - 79). Bản thân ông đã phục vụ Lê Hoàn (trị vì 980 - 1004) và chém đầu vua Chăm trong cuộc chiến tranh năm 982; theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, linh hồn của ông đã hiện ra với Lý Phật Mã trong một giấc mơ vào năm 1037.³⁶ *Việt Điện U Linh Tập* trích dẫn quyển *Sử Ký* của Đỗ Thiện.

2f. Lê Phụng Hiếu (tước hiệu ĐÔ THỐNG KHUÔNG QUỐC TÁ THÁNH VƯƠNG)

Ông trở nên nổi tiếng vì ủng hộ trung kiên sự kế ngôi của Lý Phật Mã chống lại một nhóm các hoàng tử nổi loạn vào năm 1028.³⁷ Quyển *Việt sử bổ di* được trích dẫn để biết thông tin về thời trẻ của ông là một nông dân côn đồ ở Thanh-Hóa. Quyển *Sử Ký* của Đỗ Thiện được trích dẫn để nói về sự nghiệp của ông như một chiến binh dưới tay Lý Công Uẩn.

2g. Mục Thận (tước hiệu THÁI ÚY TRUNG TUỆ VÕ LƯỢNG CÔNG)

Ông là một ngư dân đã ngăn chặn một nỗ lực ám sát Lý Căn Đức vào năm 1096.³⁸ *Việt Điện U Linh Tập* trích dẫn quyển *Sử Ký* của Đỗ Thiện.

2h. Trương Hồng và Trương Hát (tước hiệu KHUỐC ĐỊCH THIỆN HỮU TRỢ THUẬN ĐẠI VƯƠNG và UY ĐỊCH DŨNG CẢM HIỂN THẮNG ĐẠI VƯƠNG)

Họ là hai anh em, là tướng trung thành của Triệu Quang Phục vào thế kỷ thứ sáu. Sau đó, họ đã giúp Ngô Xương Văn chống lại những kẻ cướp từ miền núi vào thế kỷ thứ mười và Lý Thường Kiệt chống lại cuộc xâm lược của nhà Tống năm 1076, một bài thơ chiến đấu chống Trung

Hoa nổi tiếng đã được gắn liền với ngôi đền của họ vào năm 1076.³⁹ *Việt Điện U Linh Tập* trích dẫn quyển *Sử Ký* của Đỗ Thiện.

2i. Lý Phục Man (trước hiệu CHỨNG AN MINH ỨNG HỮU QUỐC CÔNG)

Ông là một vị tướng của Lý Bí, người đã lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa chống Trung Hoa vào các năm 541 - 47. *Việt Điện U Linh Tập* trích dẫn quyển *Sử Ký* của Đỗ Thiện cho những câu chuyện về sự hỗ trợ của ông chống lại bọn cướp biển trong thời trị vì của Đường Cao Tổ (T'ang Kao tsu) (618—26) và Đường Túc Tông (T'ang Su-tsung) (756—62), chống lại cuộc xâm lược trên biển của Côn - Lôn và Chà-Và vào năm 767, chống lại quân đội Nam Chiêu; bị đánh bại bởi Cao Biền (Kao P'ien) vào các năm 865 - 66, chống lại cuộc xâm lược của Nam Hán bị Ngô Quyền đánh bại năm 938, chống lại cuộc xâm lược của quân Tống bị đánh bại bởi Lê Hoàn vào năm 981; vào năm 1016, ông đã hiện ra với Lý Công Uẩn trong một giấc mơ và Lý Công Uẩn sau đó đã tôn vinh việc thờ phụng ông.⁴⁰ Người ta cũng cho rằng ông đã hỗ trợ chống lại cuộc xâm lược của quân Mông Cổ vào năm 1258.

2j. Lý Đò Úy (trước hiệu HÒI THIÊN TRUNG LIỆT UY VŨ TRỢ THUẬN VƯƠNG)

Ông là một người đàn ông vô danh đã chết đuối ở một con sông tại một thời điểm và địa điểm không xác định; ông đã giúp chống lại cuộc xâm lược của quân Mông Cổ vào năm 1258. *Việt Điện U Linh Tập* trích dẫn "tục truyền." ..

2k. Cao Lỗ (trước hiệu QUẢ NGHỊ CƯƠNG CHÍNH UY HUỆ VƯƠNG)

Ông là tướng của An Dương Vương, một kẻ chinh phục bán lịch sử (semi-historical conqueror [?]) đã xây dựng một thành trì và thành lập một vương quốc ở Việt Nam vào cuối thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên. Câu chuyện trong *Việt Điện U Linh Tập* kể về sự xuất hiện của Cao Lỗ với Cao Biền (Kao P'ien) trong một giấc mơ và lời giải thích của ông về cái chết của ông⁴¹; trích dẫn *Giao Chỉ ký* từ quyển *Sử Ký* của Đỗ Thiện, nó bao gồm hai bài thơ của Cao Biền (Kao Pien) và hai bài thơ của Tăng Cỗn (Tseng Kun), dường như lấy cảm hứng từ sự kiện này.

3a. Hậu Thổ Phu Nhân (Hou Tu Fu Jen) (trước hiệu ỨNG THIÊN HÓA DỤC NGUYÊN TRUNG HẬU THỔ ĐỊA KỲ NGUYÊN QUÂN)

Bà là một nữ thần nổi tiếng ở một số vùng của Trung Hoa thời nhà Đường; một thầy phù thủy nổi tiếng thời Đường chuyên về việc thờ phụng bà đã từng giới thiệu một trong những học trò của mình cho Cao Biền, người được biết đến với sở thích về ma thuật.⁴² Theo *Việt Điện U Linh Tập*, vua Lý Nhật Tồn đã được bà viếng thăm trong một giấc mơ trong cuộc xâm lược xứ Chàm năm 1069 của ông và sau đó tôn vinh bà là "Nữ thần Đất của Vương quốc Phương Nam" (Nam Quốc Địa Thần). Lý Thiên Tộ [tức Lý Anh Tông] (trị vì 1138—75) đã cầu nguyện với bà và nhận được mưa trong thời kỳ hạn hán. *Việt Điện U Linh Tập* trích dẫn *Báo Cực truyện*.

3b. Thần Long Đệ (trước hiệu QUẢNG LỢI THÁNH HỮU UY TẾ PHU ỨNG ĐẠI VƯƠNG)

“Thần Long Độ (“Spirit of the Dragon’s Belly”) có liên quan đến trung tâm địa chính trị của vương quốc Việt, ở khu vực Hà Nội. Thần xuất hiện với Cao Biền (Kao P’ien) và Lý Phật Mã.

3c. Thần núi Đồng Cổ (trước hiệu MINH CHỦ LINH ỨNG CHIÊU CẨM BẢO HỮU ĐẠI VƯƠNG)

Một vị thần núi từ Thanh-Hóa, có liên quan chặt chẽ với Lý Phật Mã. Được cho là đã giúp ông ở (biên giới với xứ Chăm khi ông ta còn là một hoàng tử và cũng như trong cuộc khủng hoảng kế vị năm 1028 khi ông ta lên ngôi.⁴³ *Việt Điện U Linh Tập* trích dẫn *Báo Cự truyện*.

3d. Tôn thờ Khai-Nguyên (K’ai-yuan) (trước hiệu KHAI NGUYÊN UY HIỂN LONG TRÚ TRUNG VŨ ĐẠI VƯƠNG) Sự sùng bái này được thành lập bởi một viên quan nhà Đường ở vùng lân cận Hà Nội trong thời kỳ trị vì của Khai Nguyên (713–41). Nó kết hợp sự tôn kính hoàng đế nhà Đường (Thiên tử Khai-Nguyên) với một vị thần đất địa phương (Thần Thổ Địa).⁴⁴ Việc sùng bái này được tôn vinh bởi Trần Thịnh Tổng vào đầu triều đại của ông trong năm 1258. Một văn bản trích dẫn tập *Nam Hải ký*.

3e. Thần Phù Đồng (trước hiệu XUNG THIÊN DŨNG LIỆT CHIÊU ỨNG UY TÍN ĐẠI VƯƠNG)

Đó là vị thần đất tại Đền Kiến-Sơ (Phật giáo) ở làng Phù Đồng, phía bắc sông Hồng không xa Hà Nội; thần đã chuyển tiên tri cho Lý Công Uẩn. *Việt Điện U Linh Tập* trích dẫn *Báo Cự truyện*.

3f. Sơn-tinh .(trước hiệu TẢN VIÊN HỮU THÁNH KHUÔNG QUỐC HIỂN LINH ỨNG ĐẠI VƯƠNG)

”Thần núi” là thần của núi Tản Viên, nằm trong tầm nhìn của Hà Nội về phía tây bắc. Câu chuyện kể về một cuộc đua tranh giữa Sơn-tinh và Thủy-tinh (“Thần nước”), để giành được sự kết hôn với một công chúa trong truyền thuyết huyền thoại của Việt Nam thời tiền Trung Hoa. Sơn tinh đã giành được công chúa và đánh bại những nỗ lực trả thù của Thủy-tinh. *Việt Điện U Linh Tập* trích dẫn tập *Giao Châu ký (Chino Chou chi)* của Tăng Cỗn (Tseng Kun). Được diễn giải khác nhau, đây vẫn là một truyền thuyết phổ biến trong dân chúng Việt Nam.⁴⁵

3g. Thần Đăng Châu (trước hiệu KHAI THIÊN TRẦN QUỐC TRUNG PHỤ TÁ DỤC ĐẠI VƯƠNG)

Đó là thần đất của tỉnh Đăng, nằm giữa Hà Nội và biển, thái ấp của Lê Ngọa Triều, con trai thứ năm của Lê Hoàn, (trị vì 115-08). Lê Ngọa Triều đã tham khảo thần linh trước khi giết anh trai để lên ngôi, vị thần linh đã khuyến khích ông ta. *Việt Điện U Linh Tập* trích dẫn quyển *Sử Ký* của Đỗ Thiện.

3h. Thần sông Bạch Hạc (trước hiệu TRUNG DỤC VŨ PHỤ UY LINH VƯƠNG)

Đó là thần đất của Bạch Hạc, ở rìa cao nguyên của đồng bằng phía tây bắc Hà Nội. *Việt Điện U Linh Tập* trích dẫn *Giao Châu Ký (Chiao Chou chi)* của Triệu Xương cho một câu chuyện

về một vị quan nhà Đường vào giữa thế kỷ thứ bảy, người đã dựng một ngôi đền thờ vị thần này và gọi đó là "Thần Bảo Vệ Vương Quốc" (Hộ Quốc Thần).⁴⁶

3i. Thần Hải Thanh (tước hiệu THIÊN HỘ LINH ỨNG CHƯƠNG VŨ QUỐC CÔNG)

Đó là một vị thần đất khác ở Bạch Hạc. Khi Cao Biền (Kao P'ien) tiến vào Việt Nam (tước hiệu năm 865 để chống lại xứ Nam Chiếu, ông đã dừng lại ở Bạch Hạc và cầu khẩn các vị thần địa phương. Vị thần đất này xuất hiện và khuyến khích Cao Biền trong nỗ lực mang lại hòa bình cho vùng đất này. *Việt Điện U Linh Tập* trích dẫn "tục truyền".

3j. Thần Long Quân (tước hiệu LỢI TẾ LINH THÔNG HUỆ TÍN VƯƠNG) (còn gọi là Nam Hải Long Vương Quân)

Câu chuyện không có ngày tháng này, được trích dẫn từ "tục truyền", kể về hai người đánh cá tìm thấy một phiến gỗ lạ trôi nổi trong dòng nước và mang về nhà; trong một giấc mơ họ biết rằng đó là "Thần Rồng Lửa" (Hỏa Long Tinh) = với sự trợ giúp của thần, họ tìm thấy một lượng lớn ngọc trai và danh tiếng của họ đã đến tai nhà vua.

GÓC NHÌN LỊCH SỬ

Góc nhìn lịch sử của những câu chuyện trong *Việt Điện U Linh Tập* chủ yếu thuộc về các thế kỷ thứ chín, mười và mười một, khi một vương quốc Việt Nam độc lập được thành lập. Bảng 1 cho thấy những nhà lãnh đạo chính của thời đại này, những người nổi tiếng trong *Việt Điện U Linh Tập* vì họ bảo trợ cho các việc tôn thờ thần linh hoặc vì những người sống trong thời kỳ cai trị của họ trở thành đối tượng của các sự thờ phụng thần linh.

Cao Biền là một vị tướng Trung Hoa đã chỉ huy quân Đường vào Việt Nam vào năm 865 để chống lại quân Nam Chiếu (Vân-Nam) đang chiếm đóng đã cướp bóc đất đai. Dân số đã bị phân tán trong bối cảnh tàn phá lan rộng. Cao Biền đã khôi phục lại trật tự và bắt đầu công cuộc tái thiết sau chiến tranh. Thành phố mà ông xây dựng cuối cùng đã trở thành nơi ngự trị của các vị vua Việt Nam. Ông rời Việt Nam vào năm 868. Vào thời điểm này, nhà Đường đã quá yếu để kiểm soát Việt Nam. Khi quân đồn trú của nhà Đường trở về phía bắc vào năm 880, thời kỳ độc lập của Việt Nam thực sự bắt đầu. Tuy nhiên, những người Việt Nam thuộc tầng lớp thống trị khi đó đang kiểm soát đất nước tự coi mình là đại diện địa phương của đế chế Trung Hoa, và gần một thế kỷ đã trôi qua trước khi chế độ quân chủ Việt Nam độc lập được thành lập.

Bảy vị thần liên quan đến Cao Biền (Kao P'ien) đã hiện ra với ông trong mắt nhìn hoặc trong giấc mơ hay được ông bảo trợ vì những gì được cho là sự hỗ trợ của họ chống lại Nam Chiếu. Cao Biền (Kao P'ien) nổi tiếng với sở thích về thuật phù thủy và dường như ông đã quan tâm tích cực đến các vị thần Việt Nam địa phương, rõ ràng vì ông tin rằng thiện chí của họ là điều cần thiết để hoàn tất thành công nhiệm vụ của mình tại Việt Nam.

Ngô Quyền đã lãnh đạo người Việt Nam chiến thắng một cuộc xâm lược của Nam Hán vào năm 938 và sau đó tự xưng là vua, trị vì từ năm 939 đến năm 944. Ông là nhà lãnh đạo Việt Nam đầu tiên của thế kỷ thứ mười từ bỏ các tước hiệu truyền thống của nhà Đường. Hai vị thần linh liên quan đến ông được cho là đã hỗ trợ ông trong trận chiến năm 938 với quân Nam Hán. .

Ngô Xương Văn, con trai của Ngô Quyền, trị vì trong thời kỳ hỗn loạn vào những năm 950 và đầu thập niên 960. Ông bảo trợ cho sự thờ cúng thần linh để đáp lại những gì ông tin là sự hỗ trợ tinh thần chống lại những kẻ đột kích từ vùng núi.

Lê Hoàn trị vì từ năm 980 đến năm 1004. Ông đã đánh bại cuộc xâm lược của nhà Tống vào năm 981 và đã xâm nhập thành công xứ Chăm vào năm 982. Các vị thần linh liên quan đến ông được cho là đã hỗ trợ trong những chiến thắng quân sự này.

Lê Ngọa Triều là con trai của Lê Hoàn, trị vì từ năm 1005 đến 1008. Ông lên ngôi sau một cuộc nội chiến huynh đệ tương tàn và vụ ám sát một người anh trai. Thần linh liên quan với ông được cho là đã giúp ông lên nắm quyền.

Lý Công Uẩn sáng lập triều đại nhà Lý và cai trị từ năm 1009 đến 1028. Ông bảo trợ cho thần linh hộ mệnh của thành phố được xây dựng lại bởi Cao Biền (Kao P'ien), nơi ông lập kinh đô. Ông bảo trợ một sự tôn thờ khác được Cao Biền (Kao P'ien) tôn vinh, về một vị thần linh nổi tiếng vì canh giữ biên giới miền núi. Thần linh thứ ba liên quan đến Lý Công Uẩn là vị thần đất bảo vệ của một ngôi chùa Phật giáo.

Lý Phật Mã (trị vì 1028 - 54), trái ngược với cha mình là Lý Công Uẩn, người đã thiết lập "trung tâm" của vương quốc mới, đã di chuyển ra ngoài để củng cố quyền kiểm soát của triều đại đối với các khu vực ngoại vi và biên giới, đặc biệt là ở phía nam. Bên cạnh Cao Biền (Kao P'ien), Lý Phật Mã là nhân vật lịch sử nổi bật nhất trong *Việt Điện U Linh Tập*. Tất cả trừ một trong sáu vị thần liên quan đến ông đều kết nối đến việc củng cố biên giới phía nam với xứ Chăm hay với sự tranh chấp kế vị đã làm hỏng việc ông lên ngôi vàng. Ngoại lệ là một thần linh "trung tâm" được cho đã khiến Cao Biền (Kao P'ien) sợ hãi và phải rời khỏi Việt Nam.

Lý Nhật Tôn, con trai của Phật Mã, cai trị từ năm 1054 đến năm 1072. Ông đã thiết lập một sự cúng bái dựa trên một nữ thần Trung Hoa phổ biến. Điều này có tính chất điển hình cho triều đại của ông, vì ông cũng thành lập một giáo phái Phật giáo mới với sự giúp đỡ của một nhà sư Trung Hoa và đặt thủ đô của mình dưới sự bảo vệ của vị thần chiến tranh Trung Hoa như một phần của sự tôn thờ "Đại Phật: Great Buddha."⁴⁷

Lý Càn Đức, con trai của Lý Nhật Tôn, trị vì từ năm 1072 đến năm 1127. Một thần linh liên quan đến ông thuộc về Lý Thường Kiệt, người đã lãnh đạo quân đội Việt Nam chống lại nhà Tống Trung Hoa trong cuộc chiến tranh 1075-76 và cũng tạo dựng được danh tiếng trên biên giới

với xứ Chàm. Một sự thờ cúng thứ hai từ triều đại của Càn Đức cũng liên quan đến cuộc chiến tranh với nhà Tống. Một sự thờ cúng thứ ba dành cho thần linh của một người đã cứu mạng Càn Đức trong một mưu toan ám sát.

Lý Thiên Tộ (trị vì 1139-75) liên quan đến hai sự tôn thờ, cả hai đều nói về "tiên nữ mưa" mang mưa đến vào thời kỳ hạn hán.

Các truyền thống trong *Việt Điện U Linh Tập* có từ thời kỳ Việt Nam thiết lập một cuộc sống quốc gia độc lập sau nhiều thế kỷ bị Trung Hoa cai trị. Các thần linh trong *Việt Điện U Linh Tập* dường như được coi là một cội nguồn của sức mạnh dân tộc và là người bảo vệ trong thời kỳ bị đe dọa từ bên ngoài.

TẦM NHÌN KHU VỰC

Những câu chuyện trong *Việt Điện U Linh Tập* phản ánh nhãn quan của vùng trung tâm nông nghiệp của Việt Nam thời ban đầu, ở vùng đất thấp của đồng bằng sông Hồng. Bản Đồ và Bảng 2 cho thấy sự phân bố địa lý của các thần linh trong các câu chuyện.

Bảng 2 cho thấy sự phân chia các câu chuyện "trung tâm" theo liên kinh đô mà chúng liên quan đến. Một câu chuyện kể về thành xưa Cổ Loa, nguyên thủy được xây dựng vào thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên trước khi có sự áp đặt nền cai trị trực tiếp của Trung Hoa. Một câu chuyện kể về tâm linh của một người cai trị tại Luy Lâu, trung tâm hành chính đầu tiên của người Hán tại Việt Nam từ thế kỷ thứ hai trước Công Nguyên đến thế kỷ thứ hai sau Công Nguyên. Hai câu chuyện có liên quan đến những người cai trị từ Long Biên, là trung tâm hành chính cấp tỉnh của Việt Nam từ thế kỷ thứ ba đến thế kỷ thứ sáu. Một câu chuyện kể về một thần linh có liên quan đến một vị vua trị vì từ Hoa Lư, một nơi đặt ngai vàng chuyển tiếp vào cuối thế kỷ thứ mười và đầu thế kỷ thứ mười một.

Hầu hết các câu chuyện từ trung tâm đều kể về các vị thần linh có liên quan đến khu vực Hà Nội; thành phố Đại La thời nhà Đường và thành phố kế thừa của nó trong thời kỳ độc lập, Thăng-Long, nằm ở đây. Cao Biền (Kao P'ien) đã xây dựng lại Đại La vào những năm 860 và Lý Công Uẩn đã thiết lập quyền lực của gia tộc mình tại đây vào năm 1010, đổi tên thành Thăng Long. Ngoài ra, hai vị thần dưới nước có liên quan đến khu vực trung tâm này, nơi ở của họ nằm ở các con sông và biển.

Mười trong số mười lăm câu chuyện từ trung tâm là về vương quyền, hai câu chuyện về các vị thần bảo hộ của kinh đô, hai câu chuyện về các vị thần bảo hộ biên giới và một câu chuyện về một vị thần bảo hộ nông nghiệp.

Hai khu vực của Phong cổ xưa [? không rõ nghĩa, có thể là Phong Châu; trong nguyên bản có kèm chữ Hán 峯 ở Phụ Lục, danh từ chung Phong 峯 có nghĩa là đỉnh núi, chú của người dịch Ngô Bắc], nơi Sông Hồng bắt nguồn từ những ngọn núi, và Thanh Hóa, ở đồng bằng sông Mã, có liên quan chặt chẽ với trung tâm. Hai câu chuyện từ Phong [?] là về vương quyền; theo truyền thống, Phong là nơi ngự trị của các vị vua thời tiền sử của Việt Nam. Bốn câu chuyện khác từ Phong là về các vị thần bảo hộ bảo vệ trung tâm chống lại những kẻ xâm lược từ núi hoặc từ biển. Hai vị thần từ Thanh Hóa đều có liên quan đến sự lên ngôi của Lý Phật Mã vào năm 1028 và có thể được giải thích là những vị thần bảo hộ của quyền lực triều đại trung tâm.

Bốn vị thần từ biên giới đều có liên quan đến xứ Chàm hay biên giới Chàm. Một vị thần, Lý Thường Kiệt, cũng nổi bật trong cuộc chiến tranh năm 1075-76 chống quân Trung Hoa. Điều này cho thấy rằng việc củng cố quyền kiểm soát đối với vùng biên giới với xứ Chàm là một nhiệm vụ to lớn vào các thế kỷ thứ mười và mười một.

Sự phân loại trong Bảng 2 là một công cụ phân tích sơ bộ. Nó không thể hiện đầy đủ sự phức tạp của các sự tôn thờ thần linh. Đặc biệt, một số vị thần linh được cho là đã hỗ trợ trong các cuộc chiến tranh với Trung Hoa thời nhà Tống vào các thế kỷ thứ mười và mười một; tất cả những vị thần này được tin là đã hỗ trợ chống lại các cuộc xâm lược của quân Nguyên Mông vào thế kỷ thứ mười ba và trong cuộc chiến tranh với xứ Chàm vào đầu thế kỷ thứ mười bốn.

KẾT LUẬN.

Thế giới tâm linh Việt Nam, như được tiết lộ trong *Việt Điện U Linh Tập*, là một bức bình phong bảo vệ được gắn chặt với cảnh quan Việt Nam và bắt nguồn từ lịch sử Việt Nam. Bức bình phong bảo vệ này được người Việt Nam coi là nơi trú ẩn khỏi các mối đe dọa từ bên ngoài và tình trạng hỗn loạn trong nước. Đó là sự mở rộng của các tín ngưỡng làng xã truyền thống vào ý thức tập thể của quốc gia, như đã được phát triển tại triều đình.

Các truyền thống được bảo tồn trong *Việt Điện U Linh Tập* cung cấp một phương tiện để thâm nhập vào quan điểm trí tuệ của thời kỳ độc lập đầu tiên trong lịch sử Việt Nam. Sau nhiều thế kỷ dưới sự cai trị của Trung Hoa, một chế độ quân chủ Việt Nam độc lập đã được thành lập. Ngai vàng mới này cần có "không gian" trí tuệ. Vào thời điểm và không gian đó, thế giới trí tuệ chủ yếu là một thế giới tâm linh. Điều này có nghĩa là những người bảo trợ mạnh mẽ trong thế giới siêu nhiên được xác định là những kẻ bảo vệ vương quốc. Bằng cách thừa nhận các quyền năng tâm linh này qua nghi lễ, các vị vua Việt Nam đã mở ra không gian hợp pháp hóa cho các yêu sách của họ về sự tuân thủ của những người dân mà họ muốn cai trị.

Nói chung, các quyền năng tâm linh được tôn vinh nếu chúng được tin là đã bảo vệ đất nước khỏi các mối đe dọa từ bên ngoài, hỗ trợ việc kế vị ngai vàng một cách có trật tự hoặc hợp

sức để nâng cao truyền thống hoàng gia độc lập trên đất Việt Nam. Điều quan trọng là hai nhân vật Trung Hoa nổi bật trong những câu chuyện này, Shih Hsieh (Si Nhiếp) và Kao P'ien (Cao Biền) được dân gian gọi là “Vương” trong truyền thống lịch sử Việt Nam, dường như nhờ các nỗ lực của họ để bảo vệ vùng đất khỏi các kẻ cướp và để củng cố quyền lực chính trị trung ương tập quyền./-

CHÚ THÍCH

1. Để có bản dịch đầy đủ của lời tựa và cuộc thảo luận về văn bản, xem K. N. Taylor, *The Birth of Vietnam* (Berkeley: University of California Press, 1983), các trang 352-54.
2. Lê Hữu Mục, dịch, *Việt Điện U Linh Tập* (Sài Gòn: Nhà Sách Khai Trí, 1988), các trang 16 - 18. M. Durand, dịch, "Recueil des Puissances Invisibles du Pays de Việt de Lý Tế Xuyên", "*Le Peuple Vietnamien [Dân Việt-Nam, số 3 (1954)]*", các trang 5-6.
3. Đỗ Đức Hùng, "Về tên đất Thái Bình, quê hương của Lý Bôn trong cuộc khởi nghĩa chống quân Lương", *Nghiên Cứu Lịch Sử* 191 (3/4, 1980):84-85.
4. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* (gọi tắt là *Toàn Thư*), ấn bản đối chiếu của Ch'en Ching-ho [Trần Kính Hòa], 3 tập. (Tokyo University Eastern Culture Research Institute [Tokyo Daigaku Toyo Bunka Kenkyujo], Publishing Committee of the Center for Eastern Studies Sources [Toyo Gaku Bunken Senta Kanko linkai], No. 42, 1984~85), trang 361.
5. *Toàn Thư*, trang 353.
6. *Toàn Thư*, trang 397.
7. *Toàn Thư*, trang 361.
8. Émile Gaspardone, "Bibliographie Annamite", *Bulletin de l'École Française d'Extrême Orient*, 34 (1934): 128.
9. Trịnh Đình Rư và Đinh Gia Khánh, dịch và chú giải, *Việt Điện U Linh* (Hà Nội: Nhà Xuất Bản Văn Học, 1972, các trang 14-16, 160-64.
10. Cùng nơi dẫn trên, các trang 169-73.
11. Cùng nơi dẫn trên, các trang 167-69.

12. Cùng nơi dẫn trên, trang 27.
13. Durand, “Recueil”, trang 4.
14. Gaspardone, trang 128.
15. Durand, “Recueil”, và M. Durand, “La Dynastie des Lý Antérieurs d’après la *Việt Điện U Linh tập*“, *Bulletin de l’École Française d’Extrême Orient*, 54 (1954): 437-53..
16. Gaspardone, các trang 126-28.
17. Durand, “Recueil”, các trang 3-5.
18. Taylor, *Birth*, các trang 222-24, 255-56, 331-33.
19. Gaspardone, trang 55, n. 2. Một trong những thần linh này thực tế là hai vị thần (anh em họ Trương), tuy nhiên, đã được tôn thờ như là một thần linh duy nhất.
20. *Toàn Thư*, trang 268.
21. *Toàn Thư*, trang 268. *Việt Sử Lược* trong *Shou shan ko ts ung shu* (Taipei, 1968), 3:1a.
22. *Toàn Thư*, trang 259.
23. *Toàn Thư*, trang 268.
24. *Toàn Thư*, trang 274.
25. O. W. Wolters, "Lê Văn Hưu's Treatment of Lý Thần Tông's Reign (1127—1137)", trong *Southeast Asian History and Historiography*, đồng biên tập bởi C. D. Cowan và O. W. Wolters, (Ithaca, 1978), các trang 220-21. ,
26. Cùng nơi dẫn trên, trang 219.
27. “Authority and Legitimacy in Eleventh Century Vietnam”, một tham luận được trình bày tại Hội nghị chuyên đề về Đông Nam Á trong thế kỷ thứ chín đến thế kỷ thứ mười bốn (Canberra, 1984). và dự kiến sẽ xuất hiện trong một tập biên bản do Institute of Southeast Asian Studies (Viện Nghiên cứu Đông Nam Á), Singapore xuất bản.

28. Để có bản dịch sang tiếng Pháp câu chuyện về Sĩ Nhiếp, xem Durand, "Recueil", các trang 13-19.
29. Để có bản dịch sang tiếng Pháp câu chuyện về Phùng Hưng, xem Durand, "Becueil", các trang 27- 29.
30. Để có bản dịch sang tiếng Pháp các câu chuyện về Triệu Quang Phục và Lý Phật Tử, xem Durand, "La Dynastie. ..", các trang 447-52.
31. Theo *Việt Sử Lược* 1:17a và 2:8b, Bình Bộ Lĩnh đã xây dựng một ngôi đền cho Hậu Tắc vào năm 968, có thể ở Hoa Lư, và vào năm 1048 Lý Phật Mã đã dựng một bàn thờ cho Hậu Tắc tại Thăng Long.
32. Về hai chị em Bà Trưng và Mã Viện, xem Taylor, *Birth*, các trang 37-41.
33. *Toàn Thđ*, trang 234.
34. Xem *Toàn Thđ*, trang 234, để có ghi chép về chuyến thăm thanh tra của Lý Phật Mã đến Nghệ An và lời ca ngợi của hoàng gia dành cho Lý Hoảng, được gọi là Lý Nhật Quang trong nguồn tài liệu này.
35. Dòng sông chảy qua Hà Nội vẫn được gọi là sông Tô Lịch
36. *Toàn Thđ*, các trang 226-27.
37. *Toàn Thđ*, các trang 216-17.
38. *Toàn Thđ*, trang 253.
39. *Toàn Thđ*, trang 249.
40. Về Lý Phục Man và các sự kiện liên quan đến sự sùng bái ông, xem *Toàn Thđ*, trang 212; Nguyễn Văn Huyền, "Contribution à l'Étude d'un Génie Tutélaire Annamite Lí Phục Man", *Bulletin de l'École Française d'Extrême Orient* 38 (1938): 1— 110; Taylor, *Birth*, các trang 140, 198-99, 239-49, 267~69, 296.
41. Xem Taylor, *Birth*, các trang 316—17.
42. Morohashi Tetsuji, *Dai Kanwa Jiten* (Tokyo: Shukusha ben, 1966—68), 2:837 và 10:536.

43. *Toàn Thđ*, trang 218.

44. Xem Taylor, *Birth*, trang 194.

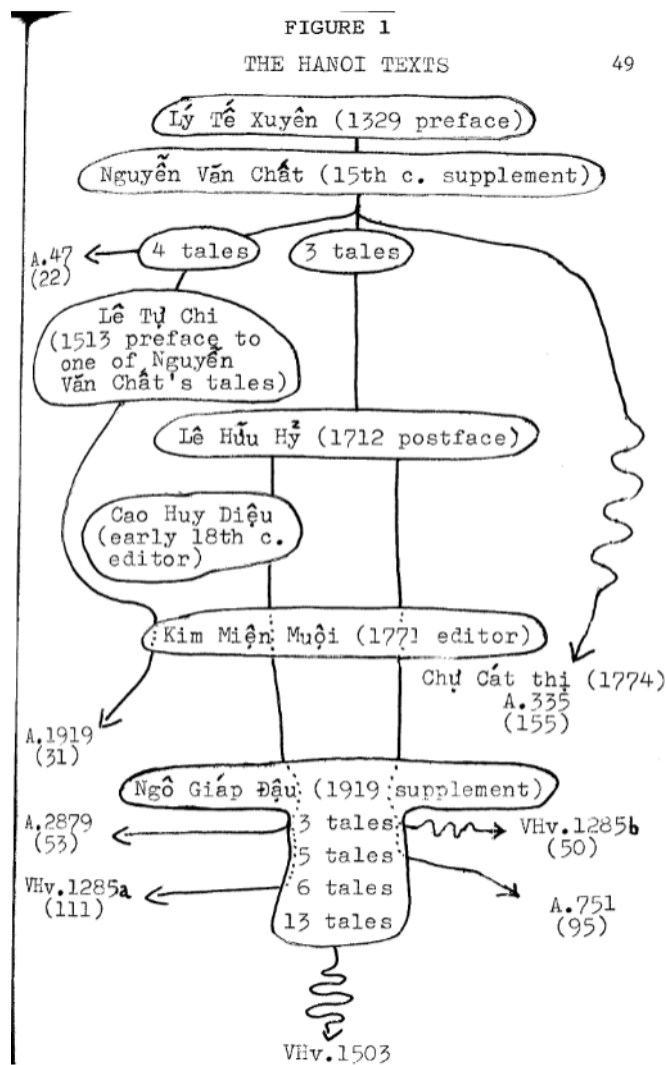
45. Cùng nơi dẫn trên, các trang 5-6.

48. Cùng nơi dẫn trên, trang 187.

47. Xem Gustave Dumoutier, *Le Grand Buddha de Hà Nội* (Hà Nội, 1888).

FIGURE 1
THE HANOI TEXTS

49



Hình 1: Diễn trình biên tập Việt Điện U Linh Tập theo các văn bản lưu giữ ở Hà Nội
(Ghi chú này bổ sung bởi người dịch Ngô Bắc)

1. Lý Tế Xuyên viết Lời Tựa, năm 1329
2. Nguyễn Văn Chát khoảng thế kỷ 15, bổ sung nội dung (3 truyện: 1) Bài Ký Sự Tích Sóc Thiên Vương; 2) Thanh Sơn Đại Vương; 3) Kiến Hải Môn Từ.
3. Lê Tự Chi viết Lời Tựa cho một trong những truyện bổ sung bởi Nguyễn Văn Chát
4. Lê Hữu Hỷ viết Lời Bạt năm 1712
5. Cao Huy Diệu, biên tập, khoảng đầu thế kỷ thứ 18
6. Kim Miến Muội, biên tập, năm 1771
7. Chư Cát Thị, biên tập, năm 1774
8. Ngô Giáp Đậu, bổ sung, năm 1919

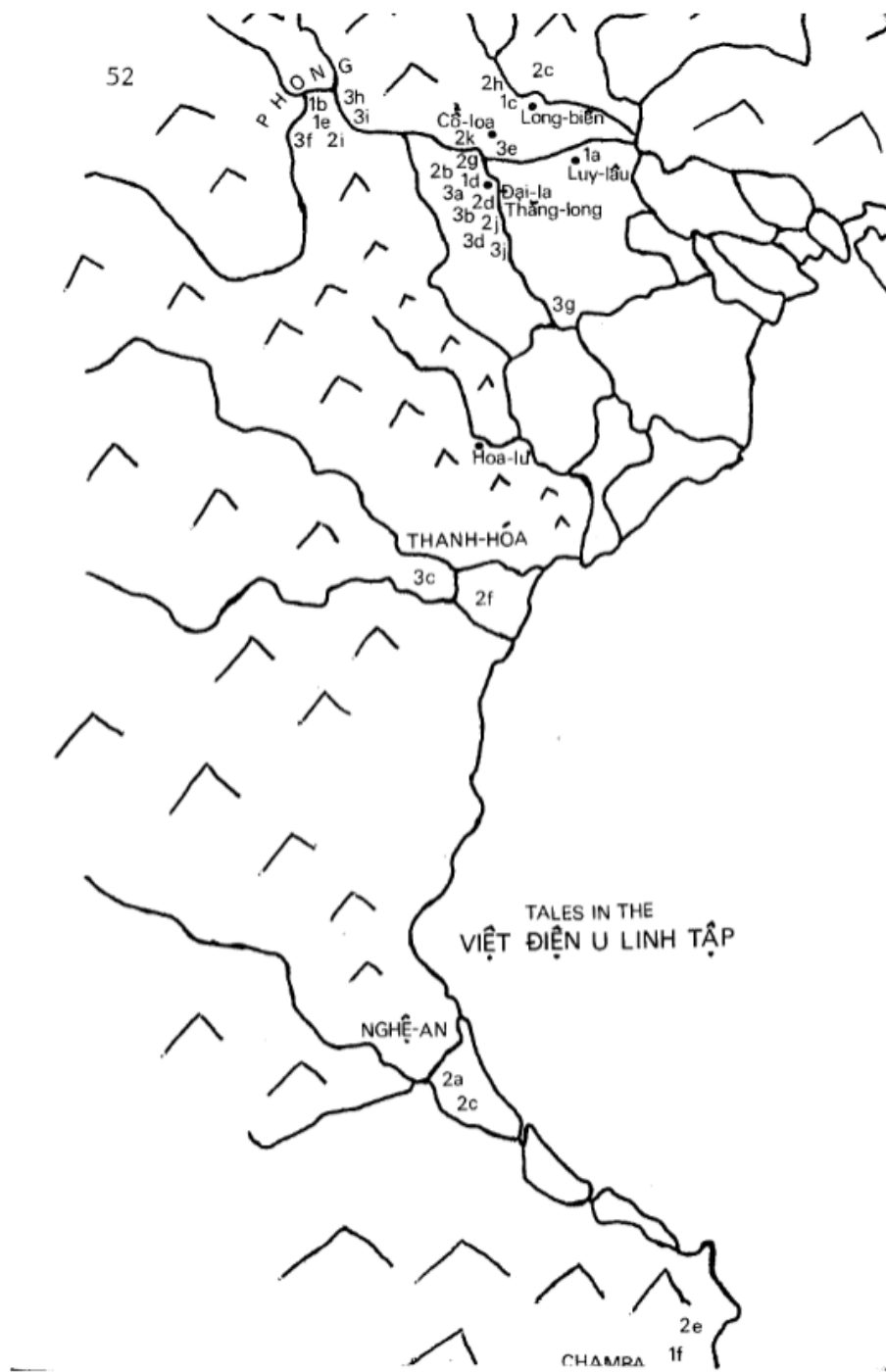
TABLE 1 - Tales in the Việt điện u linh tập Associated with Rulers in the Early Independence Period

[illegible]

BẢNG 1: Các câu chuyện trong *Việt Điện U Linh Tập* liên kết với các nhà cai trị trong thời kỳ khởi đầu độc lập

TABLE 2 - Spatial Classification of the Tales in the Việt
điện_u_linh_tập

[illegible]BẢNG 2: Sự Phân Loại Không Gian Các Câu Chuyện Trong *Việt Điện U Linh Tập*



Bản Đồ Phân Bố Theo Địa Phương Các Câu Chuyện
trong *Việt Điện U Linh Tập*

TỪ VỰNG

Tiếng Việt

Vietnamese:

An Dương Vương 安陽王

An-tiên Lộ 安遷路

Bạch-đăng 白藤

Bạch-hạc 白鶴

Báo cực truyền 報極傳

Cao Huy Diệu 高輝耀

Cao Lô 高魯

Chà-và 闍婆

Chư Cát thị 諸葛氏

Chuyển-vận-sứ 轉運使

Cổ-loa 古螺

Côn-lôn 崑崙

Đại-la 大羅

Đằng Châu 藤州

Đinh Bộ Lĩnh 丁部領

Đỗ (Nguyễn) Thiên 杜(元)善

Giao Châu ký 交州記

Giao Chỉ ký 交趾記

Hạo khí Anh Linh 灝氣英靈

Hậu Tắc (Hou Chi) 后稷·社稷·社壇

Hậu Thổ Phu Nhân (Hou Tu Fu Jen) 后土夫人

Hộ Quốc Thần 護國神

Hỏa Long Tinh 火龍精

Hoa-lư 華閭

Hùng 雄

Khai-nguyên (K'ai-yüan) 開元

Kiến-sơ 建初

Kim Miện Muội 金冕靸

La-thành 羅城

Lê Hoàn 黎桓

Lê Hữu Hy 黎有喜

Lê Ngọa Triều 黎卧朝

Lê Phụng Hiếu 黎奉曉

Lê Tự Chi 黎似之

Lịch-dại đế vương 歷代帝王

Lịch-đại Phụ-thần 歷代輔臣

Long-biên 龍編

Luy-lâu 羸樓

Lý Bí 李賁

Lý Càn Đức 李乾德

Lý Công Uẩn 李公蘊

Lý Đô Úy 李都尉

Lý Dương Hoán 李陽煥

Lý Hoàng 李晃

Lý Nhật Quang 李日光

Lý Nhật Tôn 李日尊

Lý Ông Trọng 李翁仲

Lý Phật Mã 李佛瑪

Lý Phật Tử 李佛子

Lý Phục Man 李服蠻

Lý Tế Xuyên 李濟川

Lý Thiên Tộ 李天祚

Lý Thường Kiệt 李常傑

Mục Thận 穆慎

My Ê 媚醯

Nam Hải ký 南海記

Nam Quốc Địa Thần 南國地祇

Nghệ-an 乂安

Ngô Giáp Đậu 吳甲豆

Ngô Quyền 吳權

Ngô Xương Văn 吳昌文

Nguyễn Văn Chất 阮文質

Nội-nhân 內人

Nội-thường-thi 內常侍

Phạm Cự Lượng 范巨倆

Phong 峯

Phù-dông 扶董

Phùng Hưng 馮興

Sĩ Nhiếp (Shih Hsieh) 士燮

Sùng-hiền 崇賢

Sơn-tinh 山精

Sử ký 史記

Tân định hiệu bình Việt điện u linh tập

新訂較評越甸幽靈集

Tân-viên 傘圓

Thần Bạch-hạc 白鶴神

Thần Đàng Châu 藤州神
 Thần Đồng Cổ 銅鼓神
 Thần Hải Thanh 海濟神
 Thần Long Độ 龍度神
 Thần Long Quân 龍君神
 Thần Phù-dổng 扶董神
 Thần Thổ-địa 土地神
 Thanh-hóa 清華
 Thăng-long 昇龍
 Thiên-tử Khai-nguyên 開元天子
 Thủ Đại-tàng 守大藏
 Thử-hỏa Chính-chương 書火正掌
 Thủy-tinh 水精
 Tô Lịch 蘇歷
 Trần Anh Tông 陳英宗
 Trần Minh Tông 陳明宗
 Trần Thánh Tông 陳聖宗
 Triệu Quang Phục 趙光復
 Trung-phẩm Phụng-ngự 中品奉御
 Trùng-hưng 重興

Trưng Nhị 徵貳

Trưng Trắc 徵側

Trương Hát 張喝

Trương Hồng 張哄

Việt điện u linh tập 越甸幽靈集

Việt sử bổ di 越史補遺

²
Y-lan 倚蘭

Chinese:

An Lu-shan 安祿山

Chao Ch'ang 趙昌

Chiao Chou chi 交州記

Ch'in Shih Huang Ti 秦始皇帝

Hou Han shu 後漢書

Hsiung-nu 匈奴

Kao P'ien 高駢

Li Yuan-hsi 李元喜

Ma Yuan 馬援

Nan-chao 南詔

San kuo chih 三國志

Shun 舜

T'ang Kao-tzu 唐高祖

T'ang Su-tsung 唐肅宗

Tseng Kun 曾哀

Wang Mang 王莽

Nguồn: **Keith W. Taylor**, "Notes on the Viet dien u linh tap ," *Vietnam Forum* 8 (summer-fall 1986):26-59.

PHỤ CHÚ CỦA NGƯỜI DỊCH NGÔ BẮC

a) **Chư Cát Thị** (không rõ năm sinh và năm mất ? - ?), là một danh sĩ ở Hồng Đô, tỉnh Hải Dương, đã từng làm Chủ bạ bộ Lễ đời vua Lê Hiển Tông. Năm 1774, sau khi san định (thêm vào non 20 truyện, bớt đi hoặc viết hẳn lại một số truyện) *Việt điện u linh tập*, ông đặt lại nhan đề là ***Tân đính hiệu bình Việt điện u linh tập*** (Sửa sang, mô phỏng và bình giải mới tập truyện về cõi u linh của nước Việt). Trong bài *Tựa*, ông đã cho rằng Lý Tế Xuyên chỉ là người "làm nối theo phần cuối" sách *Việt điện u linh* mà thôi.

b) **Nguyễn Văn Chất**: người làng Vũ Di, huyện Bạch Hạc (Vĩnh Yên), đỗ tiến sĩ năm 1448, hồi 27 tuổi, Tư Nghiệp Quốc Tử Giám năm 1466, Đô Sát Viện, đi sứ Tàu năm 1480 (Toàn Thư XIII, tờ 29), tác giả ***Tục Việt Điện U Linh Tập*** (Theo *Đăng Khoa Lục* I, 7) Nguyễn Văn Chất được cho cũng là Nguyễn Văn Hiền, vì hai ký tự chữ Hán của các từ Chất và Hiền rất dễ bị nhầm lẫn.

c) **Lê Hữu Hỷ**, tên hiệu là Độn Phủ, (không rõ năm sinh năm mất), là người làng Liêu Xá, tỉnh Hưng Yên. Ông thi đỗ tiến sĩ năm 1700, làm quan đến Giám sát ngự sử đốc đồng Sơn Tây. (xem *Đăng Khoa Lục*, III, 38b) Độn Phủ Lê Hữu Hỷ, năm 1712, trong bài Bạt ***Việt Điện U Linh Tập*** ông đã phải than phiền rằng “đời truyền Việt Điện U Linh đã lâu, nhưng đều làm lẫn khó đọc.”

d) **Cao Huy Diệu** (không rõ năm sinh, năm mất): Theo Gaspardone dẫn trong *Bibliographie Annamite*, Cao Huy Diệu trước là Cao Dương Diệu, người làng Phú Thị, huyện Gia Lâm (nay thuộc thành phố Hà Nội). Ông là nội tổ của danh sĩ Cao Bá Quát. Năm 1707, ông đỗ cử nhân, rồi đỗ tiến sĩ năm 1715 đời vua Lê Dụ Tông. Buổi đầu được bổ làm tri huyện Quốc Oai, sau lần lượt trải chức Giám tu, Thị lang bộ Lại, Đốc học Hà Tiên, Thượng thư bộ Hộ (có sách chép bộ Lại). Khi còn ở chức Giám tu, ông đã ra công viết bổ chú và phần tiêm bình cho quyển *Việt Điện U Linh Tập*. Tham gia sửa chữa với ông, còn có người cùng thời là **Lê Hữu Hỷ** (xem phụ chú c) **Lê Hữu Hỷ** ở bên trên).

e) **Kim Miễn Muội**: (? - ?), không rõ lai lịch, chỉ biết năm 1771, ông đã phụng lục và kiểm xét cho *Việt điện u linh tập*.

g) **Ngô Giáp Đậu**, (1853 -1929) con Ngô Thì Giai, sinh tại làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông cũ; nay thuộc huyện Thanh Trì thành phố Hà Nội. Ông thuộc dòng dõi của Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhậm, Ngô Thì Chí... Năm 1891, ông thi đỗ cử nhân khoa Tân Mão tại trường thi Hà Nam (tức trường Hà Nội và Nam Định hợp thi), được bổ làm hành tẩu, sau chuyển sang ngạch học quan từ chức giáo thụ lên đến chức đốc học.

Ngô Giáp Đậu là người suốt đời tận tụy với nghề dạy học và biên soạn sách (đa phần là sách sử). (Nguồn:: Gia phả họ Ngô Việt Nam:

<https://ngotoc.vn/gia-pha/NGO/DONG-NGO-THI-TA-THANH-OAI-XA-DAI-THANH-THANH-PHO-HA-NOI/NGO-GIAP-DAU/>

h) Lê Tự Chi: theo Gaspardone, nhiều bản phụ lục có tiểu sử của Tứ Vị Thánh Lang đền Kiền Hải do **Lê Tự Chi** viết và đề Hồng Đức năm thứ 5 (1513); bản Trùng Bô và 1 bản Dẫn đề ngày 7-7 năm Kỷ Vị và ký là **Tam Thanh Quán đạo nhân...**